Ký bởi Trung tâm Công báo - Tin học
Văn phòng Ủy ban Nhân dân, Tỉnh Bắc Kạn
trungtamcongbao@backan.gov.vn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 91/NQ-HĐND	*Bắc Kạn, ngày 07 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công năm 2022
(nguồn ngân sách địa phương)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 165/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 vốn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra số 198/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2022: 564.950 triệu đồng, trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 400.290 triệu đồng;

- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 142.000 triệu đồng;

- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 18.000 triệu đồng;

- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 4.660 triệu đồng.

2. Chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 vốn ngân sách địa phương theo Biểu số 02 kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết. Chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, thành phố phân bổ vốn đầu tư ngân sách nhà nước theo thứ tự ưu tiên theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá X, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh

Biểu số 01

TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2022
1	2	3
	TỔNG SỐ	**2.647.981**
I	**Vốn ngân sách địa phương**	**564.950**
1	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương *(không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất, vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương)*	400.290
	Trong đó:	
	+ Phân bổ chi tiết cho các công trình dự án	*388.950*
	+ Trả nợ gốc cấp tỉnh	*6.770*
	+ Trả nợ gốc cấp thành phố	*4.570*
2	Bội chi ngân sách địa phương	4.660
3	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	142.000
4	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	18.000
II	**Vốn ngân sách trung ương bổ sung cho địa phương**	**2.083.031**
1	Vốn trong nước	1.688.479
	Trong đó: Đầu tư các dự án trọng điểm, liên kết vùng	*930.930*
2	Vốn nước ngoài	394.552

Biểu số 02

PHÂN BỔ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	5	6	7	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG			**3.783.235**	**666.647**	**2.024.605**	**585.518**	**564.950**		
A	**CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC**			**3.719.047**	**622.287**	**1.474.598**	**468.651**	**388.950**		
A.I	**Nguồn ngân sách tỉnh điều hành**			**3.719.047**	**622.287**	**797.678**	**350.813**	**273.433**		
I	**Dự án quyết toán, dự án hoàn thành**			**578.401**	**67.846**	**21.944**	**54.157**	**9.544**		
	Nông nghiệp, lâm nghiệp			**162.198**	**36.180**	**20.500**	**27.400**	**8.100**		
1	Kè chống xói lở bờ hữu Sông Cầu đoạn qua tổ Bản Vẻn, phường Huyền Tụng, thành phố Bắc Kạn		2109/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	25.700	12.000	6.000	11.400	600	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	Dự án hoàn thành
2	Kè bờ sông cầu bảo vệ khu dân cư, công trình quốc phòng và hạ tầng, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn		1215/QĐ-UBND ngày 02/7/2020	38.500	3.500	3.500	-	3.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Dự án hoàn thành
3	Khắc phục khẩn cấp vùng sạt lở đất xã Cổ Linh, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn		1225/QĐ-UBND ngày 03/7/2020	20.000	5.000	5.000	4.000	1.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Dự án hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	5	6	7	10	11	12	13	14
4	Dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO2		4714/QĐ-BNN-HTQT ngày 13/11/2015, Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 08/11/2017	77.998	15.680	6.000	12.000	3.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án hoàn thành
	Giao thông			**416.203**	**31.666**	**1.444**	**26.757**	**1.444**		
5	Nâng cấp, cải tạo ĐT255, huyện Chợ Đồn		1231/QĐ-UBND ngày 11/7/2011; 363/QĐ-UBND ngày 28/3/2017	416.203	31.666	1.444	26.757	1.444	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	Dự án đã phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 25/11/2019, giá trị quyết toán 375.099 triệu đồng
II	**Đối ứng dự án ODA**					**241.787**	**118.873**	**116.960**		
1	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả		3102/QĐ-BNN-HTQT, ngày 21/7/2016	213.630	16.946	5.678	10.178	2.000	Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	
2	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh vùng Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn- Tiểu dự án tỉnh Bắc Kạn		1205/QĐ-TTg ngày 17/8/2017; 1249/QĐ-UBND ngày 25/8/2017; 1767/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	1.071.289	174.087	126.380	54.380	81.333	Sở Kế hoạch và Đầu tư	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	5	6	7	10	11	12	13	14
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương vốn vay WB (LRAMP) -Hợp phần đường		2529/QĐ-TTg, ngày 21/12/2015; 622/QĐ-BGTVT, ngày 02/3/2016	214.432	18.360	2.500	7.232	800	Sở Giao thông Vận tải	
5	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập		4638/QĐ-BNN-HTQT, ngày 9/11/2015	89.880	4.505	4.505	1.300	407	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
6	Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Bắc Kạn (CSSP)		1438/QĐ-UBND, ngày 07/9/2016; 762/QĐ-UBND, ngày 02/06/2017; 1896/QĐ-UBND, ngày 21/10/2020	840.129	93.670	70.670	40.323	26.000	Ban Điều phối dự án CSSP tỉnh	
7	Dự án "Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở"- Dự án thành phần tỉnh Bắc Kạn		481/QĐ-UBND ngày 29/3/2019; 223/QĐ-UBND, ngày 17/02/2020	153.655	32.504	32.054	5.460	6.420	Sở Y tế	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	5	6	7	10	11	12	13	14
III	**Dự án chuyển tiếp**			**2.837.809**	**277.809**	**272.935**	**99.500**	**35.000**		
	Giao thông									
1	Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	2021-2024	1854/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	2.837.809	277.809	272.935	99.500	35.000	Sở Giao thông vận tải	
IV	**Nhiệm vụ quy hoạch tỉnh và các nhiệm vụ có tính chất chuyên ngành**			**40.318**	**40.318**	**30.318**	**30.800**	**9.518**		
1	Lập Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050		2357/QĐ-UBND ngày 26/11/2019; 2122/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	39.143	39.143	29.143	30.000	9.143	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng (trước đây là quy hoạch chi tiết) Khu công nghiệp Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn I		1012/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	692	692	692	500	192	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	
3	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình , tỉnh Bắc Kạn giai đoạn I		1011/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	483	483	483	300	183	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	5	6	7	10	11	12	13	14
V	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**			**302.837**	**276.632**	**230.694**	**47.483**	**102.411**		
	Quốc phòng			**28.500**	**28.500**	**22.500**	**17.000**	**2.650**		
1	Xây dựng, cải tạo các công trình chiến đấu phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2021	2021-2022	97/QĐ-UBND ngày 07/4/2021	28.500	28.500	22.500	17.000	2.650	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi 06 tỷ đồng
	An ninh và trật tự, an toàn xã hội			**25.000**	**25.000**	**25.000**	**4.768**	**10.300**		
2	Đầu tư trang thiết bị, phương tiện cho lực lượng công nghệ cao và an ninh mạng	2021-2023	311/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	14.500	14.500	14.500	4.185	4.500	Công an tỉnh	
3	Trụ sở làm việc Công an xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn	2021-2023	2167/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	4.300	4.300	4.300	227	2.400	Công an tỉnh	
4	Trụ sở làm việc Công an phường Xuất Hóa	2021-2023	2168/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	6.200	6.200	6.200	356	3.400	Công an tỉnh	
	Giáo dục, đào tạo			**32.282**	**11.177**	**11.177**	**-**	**7.461**		
5	Trường Mầm non Vi Hương, huyện Bạch Thông	2021-2023	2175/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	9.000	7.371	7.371	-	4.400	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	
6	Trường Tiểu học Phương Viên, huyện Chợ Đồn	2021-2023	1634/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	14.502	1.895	1.895	-	1.150	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	5	6	7	10	11	12	13	14
7	Trường Trung học cơ sở Quảng Chu, huyện Chợ Mới	2022-2024	2169/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	8.780	1.911	1.911	-	1.911	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	Dự án sử dụng 02 nguồn: Ngân sách tỉnh và xổ số kiến thiết
	Y tế, dân số và gia đình			**51.950**	**51.950**	**51.950**	**4.879**	**25.950**		
8	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Trung cấp Y tế Bắc Kạn thành cơ sở điều trị	2021-2023	2177/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	37.000	37.000	37.000	831	21.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
9	Sửa chữa trung tâm y tế tuyến huyện	2021-2023	1644/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	14.950	14.950	14.950	4.048	4.950	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
	Phát thanh, truyền hình			**23.747**	**23.747**	**23.750**	**6.405**	**12.600**		
10	Hoàn thiện hệ thống truyền thanh cơ sở	2021-2022	1645/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	23.747	23.747	23.750	6.405	12.600	Sở Thông tin và Truyền thông	
	Giao thông			**38.289**	**33.189**	**33.200**	**7.254**	**12.650**		
11	Cầu vượt dòng thôn Khuổi Sluôn, xã Dương Sơn, huyện Na Rì	2021-2023	1637/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	10.000	7.000	7.000	1.889	2.300	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	
12	Cầu Nà Mực, xã Văn Minh, huyện Na Rì	2021-2023	1638/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	9.000	8.000	8.000	2.050	2.750	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	5	6	7	10	11	12	13	14
13	Cống hộp bê tông cốt thép tại lý trình Km8+432 thuộc tuyến đường từ xã Lương Bằng đi Tuyên Quang	2021-2023	1636/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	3.989	3.989	4.000	1.154	1.250	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	
14	Cầu Mảy Van và Cầu Slam Coóc, huyện Ngân Sơn	2021-2023	1639/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	7.800	6.700	6.700	1.895	2.100	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	
15	Cải tạo, sửa chữa mặt đường và vỉa hè đường lên trụ sở Tỉnh ủy và Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh	2021-2023	2120/QĐ-UBND ngày 8/11/2021	7.500	7.500	7.500	266	4.250	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	
	Xã hội			**12.034**	**12.034**	**12.400**	**3.150**	**4.100**		
16	Cải tạo, sửa chữa cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh	2021-2023	1642/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	12.034	12.034	12.400	3.150	4.100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước			**50.717**	**50.717**	**50.717**	**4.027**	**26.700**		
17	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	2021-2023	2170/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	5.000	5.000	5.000	405	2.600	Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể	
18	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ngân Sơn	2021-2023	1640/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	6.000	6.000	6.000	1.614	2.000	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	5	6	7	10	11	12	13	14
19	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở Sở Nội vụ	2021-2023	2055/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	5.300	5.300	5.300	224	2.950	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
20	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Khoa học và Công nghệ	2021-2023	1641/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	3.400	3.400	3.400	860	1.200	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
21	Xây bổ sung nhà làm việc Hội Chữ thập đỏ + Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	2021-2023	1934/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	737	737	737	-	450	Hội chữ thập đỏ tỉnh	
22	Cải tạo, sửa chữa Nhà Văn hóa tỉnh	2021-2022	1643/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	1.500	1.500	1.500	386	850	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
23	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh	2021-2023	2171/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	3.000	3.000	3.000	149	1.650	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
24	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật Tỉnh ủy Bắc Kạn	2021-2023	2172/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	25.780	25.780	25.780	389	15.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
A.II	**Phân bổ cho cấp huyện điều hành**			**-**	**-**	**676.920**	**117.838**	**115.517**		
1	Thành phố Bắc Kạn					109.898	18.244	14.926	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	5	6	7	10	11	12	13	14
2	Huyện Pác Nặm					73.550	13.048	13.048	Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm	
3	Huyện Ba Bể					75.406	13.377	13.377	Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể	
4	Huyện Ngân Sơn					72.084	12.788	12.788	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	
5	Huyện Bạch Thông					79.316	14.048	14.071	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	
6	Huyện Chợ Đồn					104.511	17.967	18.541	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	
7	Huyện Chợ Mới					84.101	14.920	14.920	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	
8	Huyện Na Rì					78.054	13.446	13.847	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	
B	**ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**					**505.000**	**103.800**	**142.000**		
B.1	**Cấp tỉnh điều hành**					**50.500**	**10.380**	**24.320**		

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	5	6	7	10	11	12	13	14
B.2	**Cấp huyện điều hành**			**-**	**-**	**454.500**	**93.420**	**117.680**		
1	Thành phố Bắc Kạn					324.000	71.100	88.300	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	
2	Huyện Pác Nặm					18.900	1.170	1.500	Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm	
3	Huyện Ba Bể					25.200	7.200	12.650	Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể	
4	Huyện Ngân Sơn					7.200	540	400	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	
5	Huyện Bạch Thông					12.600	1.530	1.730	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	
6	Huyện Chợ Đồn					45.000	9.000	9.400	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	
7	Huyện Chợ Mới					9.000	900	1.500	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	
8	Huyện Na Rì					12.600	1.980	2.200	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	5	6	7	10	11	12	13	14
C	**ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT**			**64.188**	**44.360**	**45.007**	**13.067**	**18.000**		
1	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Thượng Giáo, huyện Ba Bể	2021-2022	1646/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	2.353	2.353	3.000	1.619	300	Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể	
2	Trường Mầm non Sỹ Bình, huyện Bạch Thông	2021-2022	2243/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	8.758	8.758	8.758	454	6.600	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	
3	Trường mầm non Vi Hương, huyện Bạch Thông	2021-2023	2175/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	9.000	1.629	1.629	461	700	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	
4	Trường tiểu học Phương Viên, huyện Chợ Đồn	2021-2023	1634/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	14.502	11.105	11.105	6.996	850	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	
5	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Văn Minh, huyện Na Rì	2021-2023	1635/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	5.400	5.400	5.400	3.215	1.000	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	
6	Trường Mầm non Dương Quang, thành phố Bắc Kạn	2021-2023	2173/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	24.175	15.115	15.115	322	8.550	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	
D	**VAY LẠI CHÍNH PHỦ**							**16.000**		
1	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả							400	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	5	6	7	10	11	12	13	14
2	Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) - Hợp phần đường							1.500	Sở Giao thông vận tải	
3	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh vùng Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn- Tiểu dự án tỉnh Bắc Kạn							5.405	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
4	Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Bắc Kạn (CSSP)							4.000	Ban Điều phối CSSP tỉnh Bắc Kạn	
5	Dự án "Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở"- Dự án thành phần tỉnh Bắc Kạn							4.000	Sở Y tế	
6	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập							695	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	